

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 579/2023/DS-PT

Ngày: 28-11-2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay  
tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Em

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Triều

Bà Nguyễn Ái Đoan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Phúc Thắm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2023/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 794/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp H xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**Đại diện theo ủy quyền:** Bà Hồ Thị N, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: H Ô, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 15/02/2023)

**- Bị đơn:**

1. Vương Võ Thị Hưng H, sinh năm 1970;

2. Dương Quan T1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**Đại diện ủy quyền của bị đơn:** Ông Lê Văn L, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Q khu phố D, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2023)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Vương Võ Thị Hưng H1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm;*

*Nguyên đơn Huỳnh Thị Kim T trình bày:*

Trước đây do quen biết với bà V Võ Thị Hưng H nên chị Huỳnh Thị Kim T có cho mượn tiền nhiều lần từ năm 2021 đến năm 2022 cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 25/8/2021 chị T có cho bà H mượn số tiền 340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng), không có tính lãi suất.

- Lần thứ hai: Ngày 17/10/2021 chị T có cho bà H mượn số tiền là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), không có tính lãi suất.

- Lần thứ ba: Ngày 15/11/2021 chị T có cho bà H mượn số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), không có tính lãi suất.

- Lần thứ tư: Ngày 19/8/2022 chị T có cho bà H mượn số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), không có tính lãi suất.

- Lần thứ năm: Ngày 06/9/2022 chị T có cho bà H mượn số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), không có tính lãi suất.

Tổng cộng số tiền mà bà H đã mượn của chị T là 590.000.000 đồng (năm trăm chín mươi triệu đồng). Khi cho mượn tiền chị T và bà H đã thỏa thuận khi nào yêu cầu trả tiền thì bên phía chị T sẽ báo cho bà H trước một tháng.

Đến tháng 11/2022 chị T có yêu cầu bà H trả số tiền mượn nhưng bà H không chịu trả khoản tiền đã mượn nêu trên.

Do các lần mượn tiền bà H sử dụng vào mục đích chung của gia đình nên chị T yêu cầu bà H và ông Dương Quan T1 cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ,

Về số tiền vốn 510.000.000 đồng (năm trăm mười triệu đồng) của 3 lần tiền ngày 25/8/2021, 17/10/2021 và ngày 15/10/2021, số tiền lãi tạm tính từ ngày 15/11/2021 đến ngày 16/02/2023 (15 tháng) là 63.495.000 đồng (sáu mươi ba triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Về số tiền vốn 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) của lần mượn tiền ngày 19/8/2022 và 06/9/2022, số tiền lãi tạm tính từ ngày 06/9/2022 đến ngày 16/02/2023 (05 tháng) là 3.320.000 đồng (ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền lãi là 66.815.000 đồng (sáu mươi sáu triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng).

Nay bà T1 yêu cầu bà V Võ Thị Hưng H và ông Dương Quan T1 trả số tiền gốc là 590.000.000 đồng (năm trăm chín mươi triệu đồng) và lãi là 66.815.000 đồng (sáu mươi sáu triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng), tổng cộng là 656.815.000 đồng (sáu trăm năm mươi sáu triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*Bị đơn bà V Võ Thị Hưng H có đại diện ông Lê Văn L trình bày:*

Qua yêu cầu khởi kiện của bà Kim T yêu cầu bà H và ông Quan T1 trả số tiền là 656.815.000 đồng (sáu trăm năm mươi sáu triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng) thì bà H không đồng ý vì lý do 05 biên nhận nợ không có thông tin người cho mượn tiền là bà Kim T nên không đồng ý trả nợ. Ông Quan T1 không biết gì về số nợ của vợ là bà H và bà H không có đem tiền vay về nhà nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà Kim T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 247/2023/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim T.

Buộc bà V Võ Thị Hưng H có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Kim T số tiền vốn 590.000.000 đồng (năm trăm chín mươi triệu đồng), tiền lãi là 39.176.000 đồng (ba mươi chín triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Tổng cộng 629.176.000 đồng (sáu trăm hai mươi chín triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng). Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim T đối với yêu cầu buộc ông Dương Quan T1 liên đới trả nợ cùng với bà Vương Võ Thị Hưng H1.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31/7/2023, bị đơn bà V Võ Thị Hưng H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim T vì không có căn cứ xác định bà H có nợ tiền của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nhận thấy 05 biên nhận chị T cung cấp yêu cầu bà H trả 590.000.000 đồng bà H cho rằng biên nhận không đề người cho mượn nên bà không đồng ý trả cho chị T đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của bị đơn cho rằng chữ viết và ký tên trong các biên nhận bà H cũng không xác định phải của bà không nhưng bà H không yêu cầu giám định. Ngoài ra nguyên

đơn còn cung cấp được hình ảnh của bà H khi vay tiền của chị T bà ngồi điểm tiền và viết biên nhận nên có đủ cơ sở xác định 05 biên nhận chị T cung cấp khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 590.000.000 đồng là có căn cứ. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Vương Võ Thị Hưng H1, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bà Vương Võ Thị Hưng H1, còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo các biên nhận nguyên đơn Huỳnh Thị Kim T cung cấp vào năm 2021 và năm 2022 bà V Võ Thị Hưng H có vay của chị T nhiều lần cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 25/8/2021 chị T có cho bà H mượn số tiền 340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng), không có tính lãi suất.
- Lần thứ hai: Ngày 17/10/2021 chị T có cho bà H mượn số tiền là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), không có tính lãi suất.
- Lần thứ ba: Ngày 15/11/2021 chị T có cho bà H mượn số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), không có tính lãi suất.
- Lần thứ tư: Ngày 19/8/2022 chị T có cho bà H mượn số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), không có tính lãi suất.
- Lần thứ năm: Ngày 06/9/2022 chị T có cho bà H mượn số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), không có tính lãi suất.

Tổng cộng số tiền mà bà H đã mượn của chị T là 590.000.000 đồng (năm trăm chín mươi triệu đồng). Khi cho mượn tiền chị T và bà H đã thỏa thuận khi nào yêu cầu trả tiền thì bên phía chị T sẽ báo cho bà H trước một tháng. Nay chị T yêu cầu bà H ông T cùng trả số tiền 590.000.000 đồng, bà H không đồng ý vì biên nhận nợ không có ghi tên người cho mượn tiền và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng chữ viết ký tên và viết họ tên trong

05 biên nhận bà H cũng không xác định được phải bà viết và ký không. Nhưng cả hai không yêu cầu Tòa án giám định.

Nhận thấy 05 biên nhận mà chị T yêu cầu bà H trả số tiền 590.000.000 đồng. Mặc dù có 05 biên nhận không đề người cho mượn tiền nhưng chị T khởi kiện đã giao nộp bản chính giấy biên nhận, đồng thời chị T cung cấp được hình ảnh của bà H khi mượn tiền viết biên nhận và kiểm điểm tiền nên có cơ sở xác định bà H có mượn tiền của chị T theo 05 biên nhận là 590.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H trả cho chị T số tiền 590.000.000 đồng là có căn cứ.

Ngoài ra chị T còn yêu cầu bà H trả lãi của số tiền 590.000.000 đồng từ khi chị khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm là có căn cứ bởi vì số tiền trên chị T xác định cho bà H mượn không tính lãi như khi chị T yêu cầu bà H trả thì bà H không thực hiện nghĩa vụ nên Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi của số tiền 590.000.000 đồng từ tháng 11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/2023 là 08 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền 39.176.000 đồng là phù hợp.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vương Võ Thị Hưng H1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo và kháng nghị xem như đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo bà H1 không được chấp nhận nên bà H1 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vương Võ Thị Hưng H1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 247/2023/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim T.

Buộc bà V Võ Thị Hưng H có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Kim T số tiền vốn 590.000.000 đồng (năm trăm chín mươi triệu đồng), tiền lãi là 39.176.000 đồng (ba mươi chín triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Tổng

cộng 629.176.000 đồng (sáu trăm hai mươi chín triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng). Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, bà H chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim T đối với yêu cầu buộc ông Dương Quan T1 liên đới trả nợ cùng với bà Vương Võ Thị Hưng H1.

3. Về án phí: Bà H1 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm và 29.167.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà H1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0026208 ngày 02/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như bà H1 đã nộp xong án phí phúc thẩm. Bà H1 còn phải nộp tiếp 29.167.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Huỳnh Thị Kim T số tiền 15.136.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0025679 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Em**